TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày: 15/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Văn Thắng.

2. Bà Ngô Thị Thời.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 04/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 02 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB - TA ngày 28/02/2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB - TA ngày 09/3/2023 đối với các bị cáo:

1.Phạm Xuân S, sinh năm 1973; ĐKHKTT và cư trú: Thôn Tân Th, xã Yên T, huyện Y, tỉnh Nam Định**;** Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn G (đã chết) và bà Vũ Thị S1; Có vợ là: Nguyễn Thị Kh và 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 05/2021/HSST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/7/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Đinh Thị L,** sinh năm 1977; ĐKHKTT và cư trú: Thôn Lộc H, xã Mai L, huyện, thành phố Hà Nội**;** nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Đinh VT (đã chết) và bà Ngô Thị N (đã chết). Có chồng là Chử Xuân G; có 03 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/7/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Anh Phạm Quang T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 19 phố Lê P, Khu 11, phường, thành phố Hải Dương. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố P, phường Đ, thành phố Từ S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Công ty PQ.

Địa chỉ: Khối 250, Phường QT, Thị xã T, Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim C - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Lê Trọng Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 298 Bắc S, phường Hòa A, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh H Anh Th, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng D, phường Ba H, thành phố Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Võ Lê PC, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 76 Nguyễn C, phường Hoà KB, quận LC, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Nguyễn VT, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu tập thể F361, xã DT, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Anh Vũ Thế Ng, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn An H, xã An Th, huyện Hoài Đ, Hà Nội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Anh Nguyễn TT, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 15 Nhơn H, phường Hoà A, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Anh Triệu Đình D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Vụ N, xã Hợp H, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Anh Đỗ VS, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Sông C, xã Trung G, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Anh Lưu ĐL, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn An Đ, xã An B, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Xuân D, xã Tân M, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Anh Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 401 đường TP, thị trấn NS, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Anh Lê ĐH, sinh năm 1976

Địa chỉ: Kp Phước H, phường Mỹ X, thị xã Phú M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Anh Lê MT, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 3, phường Hải T, quận Dương K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

17. Anh Vũ Văn K, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu S Trung, phường Nam S, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Anh Đỗ NT, Chị Trần Nguyên N; Chị Trần Thị BH; Chị Nguyễn Thị Kh. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân S và Đinh Thị L có quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng đầu tháng 4/2022 do không có công việc, thu nhập ổn định nên S đã nẩy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác bằng thủ đoạn như sau: S lên mạng tìm kiếm các doanh nghiệp xây dựng, lấy số điện thoại của doanh nghiệp, tìm hiểu phương thức kinh doanh của doanh nghiệp rồi S dùng điện thoại để liên lạc, giới thiệu tên là V, B, B, L, Ph là trợ lý giám đốc, công ty của S có các gói thầu, dự án xây dựng mời các doanh nghiệp tham gia thực hiện với giá ưu đãi. Sau khi giám đốc, chủ doanh nghiệp đồng ý gặp để ký hợp đồng gói thầu thì S giới thiệu cho giám đốc, chủ doanh nghiệp số điện thoại của giám đốc công ty S để liên lạc. Mục đích để doanh nghiệp tin tưởng và hẹn doanh nghiệp đến trụ sở công ty để ký hợp đồng với điều kiện là mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty S lo, giám đốc, chủ doanh nghiệp phải trả tiền vé máy bay khứ hồi và công ty S sẽ đặt giúp. Khi giám đốc, chủ doanh nghiệp đồng ý S sẽ yêu cầu gửi thông tin để đặt vé máy bay, sau khi có thông tin thì công ty S sẽ đặt giữ chỗ ở hãng hàng không. S gửi hình ảnh thông tin đặt giữ chỗ vé máy bay cho doanh nghiệp mục đích tạo sự tin tưởng cho doanh nghiệp và yêu cầu chuyển khoản tiền để mua vé máy bay. Khi doanh nghiệp chuyển khoản tiền S sẽ cắt liên hệ và chiếm đoạt số tiền đặt vé máy bay. S đã bàn lạc với L và giao cho L đóng vai giám đốc, khi doanh nghiệp gọi đến thì giả tên là L1 hoặc B. Nhiệm vụ của L là khi có điện thoại gọi

đến thì nhận là giám đốc công ty của S, nói là đã xem bản hợp đồng giữa hai công ty, đồng ý với bản hợp đồng và hẹn gặp trực tiếp để ký hợp đồng. L còn là người đặt giữ ghế vé máy bay (*L nhờ chị Huỳnh NT sinh năm 1982 ở số 78 Nguyễn Thượng H, phường X, quận Y, TP. Hồ Chí Minh đặt giữ chỗ (đối với việc đặt giữ chỗ sẽ không mất tiền phí), đặt vé máy bay để lấy thông tin, code vé máy bay hoặc S, L sẽ đặt vé giữ chỗ tại Công ty TNHH vé máy bay trực tuyến A ở số 324 phố H, quận Hai B, TP. Hà Nội, sau khi có thông tin giữ chỗ, code vé máy bay thì L, S sẽ thông báo về việc không đặt vé nữa, chị NT, công ty vé máy bay huỷ việc đặt vé và hoàn lại tiền cho S, L*). L sử dụng 02 số tài khoản của L là số tài khoản 251807xx mở tại Ngân hàng ACB; số tài khoản 048019254xx mở tại Ngân hàng TP Bank để nhận tiền chuyển khoản đến. Sau khi nhận tiền chuyển khoản đến L chuyển tiền chiếm đoạt được đến số tài khoản 194507xx mở tại ngân hàng ACB của S.

Ngày 02/6/2022, S sử dụng số điện thoại 09738182xx gọi đến số điện thoại 09832893xx của anh Phạm Quang T sinh năm 1977 ở khu 11, P. Thanh B, TP. Hải Dương là Giám đốc công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Tam Hưng. S giới thiệu với anh T tên là V - trợ lý giám đóc Công ty Trung Quốc có dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất ở lô 17, khu công nghiệp Vsip, huyện C, Hải Dương cần hợp tác với công ty của anh T. Ngày 07/6/2022, anh T liên lạc bằng điện thoại và nhắn tin zalo với S để thương lượng hợp đồng. Ngày 08/6/2022, S thông báo với anh T về việc nội dung hợp đồng đã cơ bản hoàn thiện, S cho anh T số điện thoại 09890574xx bảo anh T gọi điện cho L1 là giám đốc để nói chuyện. Sau đó, S thông báo cho L biết, S đang giả danh tên V còn L sẽ giả danh tên L1, công ty ở miền Nam. Anh T gọi điện vào số điện thoại 09890574xx của L thì L bảo với anh T mọi việc của dự án khu công nghiệp đã giao toàn quyền cho V, có gì cứ liên hệ với V, V sẽ sắp xếp thời gian để anh T gặp L. S tiếp tục liên lạc với anh T nói dối là nói chị L1 đang ở TP. Hồ Chí Minh, anh T thu xếp công việc bay vào TP. Hồ Chí Minh để thống nhất, ký hợp đồng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty S lo, anh T chỉ phải trả tiền vé máy bay khứ hồi Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh. Anh T đồng ý và gửi thông tin cho S đặt vé. Sau khi nhận được thông tin anh T gửi S chuyển các thông tin trên cho L. L đã gửi thông tin và nhờ chị NT đặt mã code giữ chỗ ngồi sau đó chị NT gửi hình ảnh mã code cho L, L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S. S gửi lại hình ảnh chụp màn hình tin nhắn zalo với người có tên "*NT Vé Máy Bay*" có nội dung mã đặt vé chuyến bay Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh lúc 15:30 ngày 10/6/2022 và chuyến bay TP. Hồ Chí Minh – Hà Nội lúc 19:00 ngày 11/6/2022 hành khách gồm: THI THU NG, VAN V N, QUANG T PHAM, VAN MINH H, giá chuyến Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh là 2.190.000 đồng/vé/người, giá vé TP. Hồ Chí Minh – Hà Nội là 2.390.000 đồng/vé/người. S báo số tiền vé bên anh T là 9.160.000 đồng yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx tên DINH THI L. Anh T đã chuyển khoản số tiền 9.160.000đ từ tài khoản ngân hàng ACB số 1778707 của anh T đến tài khoản của L. Ngày 10/6/2022, S nói với anh T là L1 đang đi công tác ngoài Hải Phòng làm việc xong tại Hải Phòng sẽ về Hải Dương gặp anh T để làm việc, anh T không cần bay vào TP. Hồ Chí Minh. Nghi ngờ vé

không có thật nên anh T có kiểm tra trên hệ thống mã vé thì xác định hình ảnh vé S gửi cho anh T không có thật, anh T nói chuyện với S thì S lảng tránh việc mua vé máy bay. Sau đó S nói với anh T kế toán tên Thu đang giới thiệu một công ty khác có gói thầu tốt hơn nên nếu anh T muốn ký hợp đồng thì chuyển thêm 40 triệu để Thu không giới thiệu công ty kia cho giám đốc. Biết bị lừa nên anh T không chuyển tiền theo yêu cầu của S, sau đó anh T không liên lạc được với S.

Ngày 04/7/2022, anh T có đơn trình báo đến Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao Công an tỉnh Hải Dương. Quá trình xác minh, cơ quan công an đã triệu tập Đinh Thị L, Phạm Xuân S đến làm việc, L, S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Phạm Xuân S tự nguyện giao nộp 01 thẻ ATM ngân hàng ACB số tài khoản 194507xx, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số thẻ 9704050676863xx; 01 điện thoại Samsung bên trong lắp sim số 09780974xx, 09892725xx; 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu trắng lắp sim số 09191984xx; Đinh Thị L tự nguyện giao nộp 01 thẻ ngân hàng ACB số thẻ 42210940076762xx số tài khoản 251807xx mang tên DINH THI L; thẻ ngân hàng TBBank số thẻ 97042313042144xx mang tên DINH THI L; bộ thẻ sim Viettel có đủ áo sim và thẻ sim có số seri 89840480003863258xx có số điện thoại 09670511xx; áo sim Viettel có số seri 8984048000902360 1xx; sim Viettel trên sim có số seri 8984048000380792xx sim có số điện thoại 09890574xx; sim Viettel trên sim có số seri 8984048000902360 1xx sim có số điện thoại 09897921xx; 01 sim Viettel trên sim có số seri 89840480003325236xx, sim có số điện thoại 09746603xx; 01 điện thoại Iphone 8 màu đỏ lắp sim số 09690752xx; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám bên trong lắp sim 09818626xx.

Ngày 06/7/2022, Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao Công an tỉnh Hải Dương chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương.

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Quang T thì trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến 05/7/2022, Phạm Xuân S, Đinh Thị L còn thực hiện 16 hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 04/6/2022, S sử dụng số điện thoại là 09738182xx gọi đến số điện thoại 09822725xx của anh Nguyễn Tuấn M sinh năm 1980 ở số 401 đường TP, TT NS, huyện NS, tỉnh Hải Dương là Giám đốc Công ty Cổ phần cơ khí và xây dựng An B Minh. S giới thiệu tên là V, trợ lý giám đốc Công ty cổ phần thiết bị L và thiết bị công nghiệp có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. S trao đổi với anh M nội dung về việc công ty S hiện đang có dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất tại khu công nghiệp NS, huyện NS, tỉnh Hải Dương muốn hợp tác với công ty anh M để xây dựng kho số 06 của công ty và S gửi cho anh M bản vẽ thiết kế, khối lượng yêu cầu báo giá. Anh M đồng ý và soạn hợp đồng gửi qua zalo cho S. Sau đó S thông báo với anh M về việc nội dung hợp đồng cơ bản đã hoàn thiện tuy nhiên còn một số nội dung cần gặp trực tiếp lãnh đạo công ty của S để xin ý kiến, S cho anh M số điện thoại của Chủ tịch

HĐ quản trị là 09890574xx và nói tên là L1. S thông báo cho L về nội dung đã trao đổi với anh M để L nắm được. Anh M gọi điện cho L, L nói với anh M là đã được xem bản hợp đồng và đồng ý với nội dung, sẽ tạm ứng trước 30% sau khi ký kết hợp đồng để thi công. Anh M liên lạc với L xong thì S bảo anh M cùng với nhân viên kỹ thuật vào TP. Hồ Chí Minh để ký hợp đồng, kế toán công ty S đặt giúp vé máy bay, mọi chi phí ăn, ngủ sẽ do công ty S lo, công ty anh M chỉ phải trả tiền mua vé máy bay khứ hồi Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh. Anh M đồng ý và gửi thông tin cho S để đặt vé máy bay. S chuyển các thông tin anh M gửi cho L để L đặtvé giữ chỗ. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp hình ảnh nội dung mã đặt vé chuyến bay khứ hồi Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh lúc 14:00 ngày 15/6/2022 và chuyến bay TP. Hồ Chí Minh – Hà Nội ngày 16/6/2022 hành khách gồm: NGUYEN TH; NGUYEN VAN L; NGUYEN TM, HOANG TA; giá vé chuyển Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh là 2.485.000 đồng/ vé/ người; giá vé chuyển TP Hồ Chí Minh – Hà Nội là 2.285.000 đồng/ vé/ người qua zalo cho anh M. S yêu cầu anh M chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx tên DINH THI L. Ngày 13/6/2022, anh M chuyển khoản số tiền 9.500.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Viettinbank số 103365189999 của anh M đến số tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx. Ngày 15/6/2022, S nói với anh M là L1 đi công tác ở Hải Phòng làm việc xong sẽ về Hải Dương gặp anh M để ký hợp đồng không cần phải bay vào TP. Hồ Chí Minh nữa, một vài tuần sẽ hoàn tiền vé cho anh M rồi S chặn mọi liên lạc với anh M.

Vụ thứ hai: Ngày 11/6/2022, S dùng số điện thoại 09738182xx gọi điện cho anh Lưu ĐL sinh năm 1981 ở thôn An Đ, xã An B, huyện NS, tỉnh Hải Dương là giám đốc của Công ty TNHH Phúc Tự T địa chỉ thôn Miễu L, xã ĐL, huyện NS, TP. Hải Dương giới thiệu tên là V, trợ lý giám đốc Công ty cổ phần thiết bị LD và thiết bị công nghiệp có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. S nói với anh ĐL về việc công ty S có dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất tại khu công nghiệp NS, huyện NS cần hợp tác với công ty của anh ĐL để làm kết cấu thép (khung nhà xưởng), công ty của S ở miền Bắc sẽ gửi bản thiết kế, khối lượng yêu cầu báo giá cho anh ĐL. Anh ĐL đồng ý và soạn thảo hợp đồng, báo giá gửi qua zalo cho S. S thông báo với anh ĐL về việc nội dung hợp đồng cơ bản đã hoàn thiện tuy nhiên còn một số nội dung cần gặp trực tiếp lãnh đạo công ty của S để xin ý kiến, S cho anh ĐL số điện thoại của Chủ tịch HĐ quản trị là 09890574xx và nói tên là L1. Sau đó, S thông báo lại nội dung trên cho L biết. Anh ĐL gọi điện cho L thì L tự xưng tên là L1 và nói đã xem bản hợp đồng, đồng ý với nội dung và sẽ tạm ứng trước 50% sau khi ký kết hợp đồng để thi công. Sau khi gọi điện cho L xong, S bảo anh ĐL cùng nhân viên kỹ thuật vào TP. Hồ Chí Minh để ký hợp đồng, S nói sẽ có 2 người của công ty S đi cùng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty S lo. Công ty của anh ĐL chỉ phải trả tiền mua vé máy bay khứ hồi Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh cho người công ty anh ĐL và Công ty S sẽ đặt vé giúp. Anh ĐL đồng ý và thông tin cho S. S chuyển các thông tin này cho L để L đặt giữ chỗ ngồi của hãng hàng không VietnamAirlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong L chuyển các hình ảnh vé

giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp hình ảnh nội dung mã đặt vé chuyến bay khứ hồi Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 10.900.000đ cho anh ĐL. S yêu cầu anh ĐL chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx tên DINH THI L. Ngày 14/6/2022, anh ĐL chuyển khoản số tiền 10.900.000đ từ tài khoản ngân hàng Viettinbank số 106873302887 của chị Nguyễn TL (vợ anh ĐL) đến tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx của L với nội dung chuyển khoản: "Thanh toan tien ve may bay (Luu DL + Dang HH)". Ngày 15/6/2022, S nói với anh ĐL là L1 đi công tác ngoài Hà Nội làm việc xong sẽ gặp anh ĐL để ký hợp đồng, không cần phải bay vào TP. Hồ Chí Minh nữa rồi S chặn mọi liên lạc với anh ĐL.

Vụ thứ ba: Khoảng đầu tháng 6/2022, anh Triệu Đình D sinh năm 1983 ở thôn Vụ N, xã Hợp H, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định là giám đốc công ty TNHH xây dựng và cơ khí TD ở thôn Vụ N, xã Hợp H, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định ngồi uống nước với một người đàn ông (không biết tên tuổi, địa chỉ), quá trình nói chuyện người đàn ông này nói quen biết với người tên V làm ở công ty có liên quan đến kết cấu công trình ở TP. Hồ Chí Minh và nói V có công trình ở khu công nghiệp Bảo M, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định đang cần báo giá phần kết cấu thép còn phần móng thì do công ty của V triển khai và cho số điện thoại của V là 0973.818215. Anh D sử dụng số điện thoại 0972.886060 gọi điện vào số 0973.818215 thì S nghe máy, S giới thiệu tên là V đang công tác ở Hà Tĩnh và phụ trách dự án ở khu công nghiệp miền Bắc trong đó có dự án khu công nghiệp Bảo Minh. S và anh D kết bạn zalo, trao đổi về nội dung hợp đồng. Ngày 06/6/2022, S nói với anh D nội dung của hợp đồng và anh D cần liên hệ trực tiếp với giám đốc công ty của S tên là L1, số điện thoại 09890574xx để nói chuyện, xin ký hợp đồng. S thông báo cho L biết nội dung trên. Khi anh D gọi điện cho L, L giới thiệu tên là L1 giám đốc công ty, L nói với anh D mọi việc của dự án đã giao toàn quyền cho S, có gì cứ liên hệ với S. Sau đó, S bảo anh D cùng nhân viên kỹ thuật cần bay vào TP. Hồ Chí Minh gặp L1 để thống nhất và ký hợp đồng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty anh D chỉ phải trả tiền mua vé máy bay khứ hồi, công ty S sẽ đặt mua vé máy bay hộ. Anh D đồng ý và gửi thông tin cho S. S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ chỗ của hãng hàng không VietnamAirlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp hình ảnh nội dung mã đặt vé chuyến bay khứ hồi Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 17.640.000đ cho anh D. S yêu cầu anh D chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx tên DINH THI L. Ngày 07/6/2022 anh D ra ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Vụ B chuyển số tiền 17.640.000đ vào tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx của L với nội dung "chuyển khoản tiền vé Hà Nội – Sài Gòn". Ngày 08/6/2022, S gọi điện cho anh D nói L1 đi công tác ở Hải Phòng, Hà Nội và sẽ bố trí một ngày vào công ty anh D để ký hợp đồng trực tiếp, không phải vào TP. Hồ Chí Minh nữa rồi S chặn mọi liên lạc với anh D.

Vụ thứ tư: Khoảng đầu tháng 6 năm 2022, S dùng số điện thoại 09738182xx gọi vào số máy 0903.454.637 của anh Đỗ VS, sinh năm: 1972, trú tại: thôn Sông C, xã Trung G, huyện Sóc S, TP. Hà Nội, là giám đốc công ty Cổ

phần CĐ; địa chỉ: xã Trung G, huyện Sóc S, TP. Hà Nội, giới thiệu tên V, Trợ lý Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị L và thiết bị Công nghiệp có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh có dự án xây dựng nhà kho cho thuê ở Hải Dương đang cần tìm kiếm nhà đầu tư thi công công trình. Sau đó, S và anh VS kết bạn nhắn tin qua mạng xã hội Zalo để thương lượng và soạn hợp đồng. S bảo anh VS nội dung của hợp đồng cơ bản đã hoàn thiện và cần gặp trực tiếp giám đốc tên là L1, số điện thoại 09890574xx và bảo anh VS gọi điện cho L1 nói chuyện, xin ký hợp đồng. Sau đó, S thông báo cho L biết nội dung trên khi doanh nghiệp gọi đến thì biết trả lời. Khi anh VS gọi điện cho L, L nói mọi việc của dự án đã giao toàn quyền cho S, có gì cứ liên hệ với S. Sau đó, S bảo anh VS cùng nhân viên kỹ thuật cần bay vào TP. Hồ Chí Minh gặp L1 thống nhất và ký hợp đồng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty anh VS chỉ phải trả tiền mua vé máy bay khứ hồi Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh, công ty S sẽ đặt vé máy bay hộ thì anh VS đồng ý và gửi thông tin để S đặt vé, S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ chỗ của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong thì L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh nội dung mã đặt vé chuyến bay khứ hồi Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh, ngày bay 17/6/2022, tổng tiền vé là 8.800.000 đồng và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số tài khoản 251807xx của Đinh Thị L. Ngày 16/6/2022, anh VS nhờ chị Trần Thị BH, sinh năm: 1985, trú tại: thị tứ Cờ Đỏ, xã Trung G, huyện Sóc S, TP. Hà Nội (là kế toán công ty) chuyển tiền từ tài khoản: 109006560647, ngân hàng Viettinbank vào tài khoản 251807xx của Đinh Thị L số tiền 8.800.000 đồng. Đến ngày 17/6/2022, S điện cho anh VS nói người thân L1 mất nên phải hoãn lại việc ký hợp đồng, lịch sẽ thông báo lại rồi S cắt đứt liên lạc với anh VS.

Vụ thứ năm: Ngày 14/6/2022 anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm: 1984, trú tại: thôn Xuân D, xã Tân M, huyện Sóc S, TP. Hà Nội là giám đốc công ty TNHH Đầu tư và thương mại Quốc tế ĐP địa chỉ: thôn Xuân D, xã Tân M, huyện Sóc S, TP. Hà Nội nhận được tin nhắn qua mạng xã hội Zalo của chị Lê Thị TV, sinh năm: 1992, HKTT: Tổ 31, NT, LB, Hà Nội là người anh Kh quen biết giới thiệu người tên V, số điện thoại: 0973.818.215 đang cần làm nhà xưởng. Ngày 20/06/2022 anh Kh dùng số điện thoại 0988.963.0xx gọi điện đến số điện thoại trên thì S nghe máy, tự giới thiệu tên là V, trợ lý giám đốc Công ty cổ phần thiết bị L và thiết bị Công nghiệp có trụ sở tại Hà Nội đang cần thi công khu nhà xưởng tại Hải Dương. Sau đó, S và anh Kh kết bạn và nói chuyện qua mạng xã hội Zalo với nhau để thương lượng và soạn thảo hợp đồng. Khi anh Kh chuyển bản dự thảo hợp đồng cho S thì S nói với anh Kh nội dung của hợp đồng cơ bản đã hoàn thiện và cần gặp trực tiếp giám đốc công ty tên là L1, số điện thoại 09890574xx, L1 đang đi công tác trong TP. Hồ Chí Minh và bảo anh Kh gọi điện cho L1 nói chuyện, xin ký hợp đồng. Sau đó, S thông báo cho L biết nội dung trên để khi doanh nghiệp gọi thì biết trả lời. Anh Kh gọi điện cho L thì L nhận là L1 giám đốc công ty, L bảo với Khởi mọi việc của dự án đã giao toàn quyền cho V, có gì cứ liên hệ với V, L đang công tác tại TP. Hồ Chí Minh. Sau đó, S liên lạc với anh Kh bảo cần bay vào TP. Hồ Chí Minh để thống nhất và ký

hợp đồng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty anh Kh chỉ phải trả tiền mua vé máy bay khứ hồi Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh, công ty S sẽ đặt vé máy bay hộ, anh Kh đồng ý và gửi thông tin để S đặt vé máy bay, S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ chỗ của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong thì L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh nội dung mã đặt vé chuyến bay khứ hồi Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh ngày bay 21/6/2022, về ngày 22/6/2022; tổng tiền vé là 10.400.000 đồng cho anh Kh và S yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số tài khoản 251807xx của Đinh Thị L. Anh Kh tin tưởng thật nên ngày 20/6/2022 đã dùng số tài khoản: 19029065002026, ngân hàng Techcombank chuyển số tiền 10.400.000 đồng vào số tài khoản này với nội dung: "A kh chuyen tien ve may bay". Đến ngày 21/6/2022, S điện cho anh Kh nói L1 sắp ngoài Hà Nội sẽ thu xếp để gặp Khởi ký hợp đồng, không phải vào TP. Hồ Chí Minh nữa và hẹn 15 ngày hoàn trả tiền vé máy bay rồi S cắt đứt liên lạc với anh Kh.

Vụ thứ sáu: Khoảng cuối tháng 6 năm 2022 S gọi điện cho anh Lê ĐH, sinh năm: 1976 là giám đốc công ty TNHH Hải Hoàng P, địa chỉ: số 401 đường KP. Phước H, Phường Mỹ X, thị xã Phú M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, giới thiệu tên là B là trợ lý Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị L và thiết bị Công nghiệp, nói có dự án xây dựng mời công ty của anh ĐH tham gia thực hiện với giá ưu đãi, S yêu cầu anh ĐH gửi bản vẽ thiết kế và khối lượng yêu cầu báo giá cho S qua Zalo. Anh ĐH soạn xong bản hợp đồng gửi cho S thì S nói nội dung của hợp đồng cơ bản đã hoàn thiện tuy nhiên còn một số nội dung cần gặp trực tiếp lãnh đạo công ty để xin ý kiến chủ tịch hội đồng quản trị tên là L1 và cho ĐH số điện thoại 09890574xx để ĐH gọi điện xin ký hợp đồng. Sau đó, S thông báo cho L biết về nội dung trên để khi anh ĐH gọi đến thì biết trả lời về bản hợp đồng mục đích để tạo niềm tin cho anh ĐH. Khi anh ĐH gọi vào số điện thoại trên thì L nghe máy và tự xưng tên là L1, L nói với anh ĐH là đã được xem bản hợp đồng giữa hai công ty và đồng ý với bản hợp đồng này, mọi việc tiếp theo cứ trao đổi trực tiếp với B. Khi anh ĐH liên lạc với L xong thì S bảo anh ĐH cùng với nhân viên kỹ thuật vào TP. HCM để ký hợp đồng với L1. Công ty của S cũng có 2 người đi cùng nên để thuận tiện cho việc đi lại S đề nghị kế toán công ty S sẽ đặt giúp vé máy bay, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty của anh ĐH chỉ trả tiền mua vé máy bay. Anh ĐH đồng ý và gửi thông tin cá cho S. S chuyển các thông tin này cho L để L đặt giữ chỗ ngồi của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh nội dung mã đặt vé chuyến bay khứ hồi này cho anh ĐH với tổng số tiền vé là 13.000.000 đồng và yêu cầu anh ĐH chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx tên DINH THI L. Tin tưởng là thật nên ngày 25/6/2022 anh ĐH chuyển số tiền 13.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng BIDV số: 76210000054xx của ĐH đến số tài khoản trên. Sau khi chuyển tiền xong anh ĐH kiểm tra trên hệ thống của hãng hàng không Vietnam airlines thì thấy S chưa đặt mua vé máy bay nên yêu cầu S hoàn tiền lại thì S chặn liên lạc với anh ĐH.

Vụ thứ bẩy: Khoảng cuối tháng 5/2022 S dùng số điện thoại 09892725xx gọi điện cho anh Nguyễn Kim C, sinh năm: 1985, trú tại: xã N, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An là chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty PQ, địa chỉ: xã Nghĩa M, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An, giới thiệu tên L hiện đang có quản L một dự án khu công nghiệp tại Vũng A, tỉnh Hà Tĩnh, đang cần tìm đơn vị thi công nhà thép tiền chế. Sau đó, S gửi cho anh C bản vẽ thiết kế nhà xưởng để tham khảo và yêu cầu anh C làm bảng báo giá. Anh C soạn hợp đồng, báo giá và gửi qua Zalo cho S thì S nội dung của hợp đồng cơ bản đã hoàn thiện, cần xin ý kiến của chủ đầu tư tên là L1 và cho số điện thoại 09890574xx, để anh C gọi điện xin ký hợp đồng. S thông báo nội dung trên cho L biết để khi anh C gọi đến thì biết trả lời. Anh C gọi điện đến số máy trên thì L nghe máy tự xưng tên là L1, chủ một dự án khu công nghiệp tại Vũng A, tỉnh Hà Tĩnh đang cần tìm đơn vị thi công cho chuỗi nhà kho ở khu công nghiệp này và đồng ý cho đơn vị của anh C thi công còn các vấn đề khác cứ trao đổi trực tiếp với L. Một vài ngày sau S thông báo công ty của anh C trúng thầu và yêu cầu anh C vào TP. Hồ Chí Minh để ký hợp đồng với L1. S nói có người công ty của S đi cùng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty của anh C chỉ phải trả tiền mua vé máy bay và công ty S đặt giúp vé máy bay để bay cùng chuyến với nhân viên của công ty S. Anh C đồng ý và gửi thông tin cá nhân cho S để đặt vé máy bay thì S chuyển các thông tin này cho L để L đặt giữ chỗ ngồi của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh nội dung mã đặt vé chuyến bay cho anh C với tổng số tiền là 8.500.000 đồng và yêu cầu anh C chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx tên DINH THI L là kế toán. Ngày 23/5/2022 anh C đã bảo chị Nguyễn Thị Tố L, sinh năm: 1985 là kế toán Công ty PQ chuyển số tiền 8.500.000 đồng từ tài khoản ngân hàng BIDV số 51310000559856 đến tài khoản ngân hàng ACB số 251807xx của Đinh Thị L, nội dung chuyển khoản ghi: "Cty 250 ck tien ve may bay". Đến ngày 15/6/2022, S nói L1 đi công tác ngoài Hà Nội, làm việc xong sẽ gặp anh C ở Nghệ An ký hợp đồng, không cần phải bay vào TP. Hồ Chí Minh rồi S chặn liên lạc với anh C.

Vụ thứ tám: Ngày 10/6/2022 S dùng số điện thoại 0965051721 gọi điện cho Lê MT, sinh năm: 1985, trú tại: Tổ 3, P. Hải T, Quận Dương K, TP. Hải Phòng là giám đốc công ty Công ty TNHH Ý Việt; địa chỉ: Tổ 3, P. Hải T, Quận Dương K, TP. Hải Phòng, tự giới thiệu tên B người của công ty D đang thực hiện dự án xây dựng nhà máy thuốc lá tại huyện NS, tỉnh Hải Dương đang cần tìm đơn vị thi công. Sau đó, S gửi cho anh MT bản vẽ thiết kế nhà xưởng để tham khảo và yêu cầu anh MT làm bảng báo giá. Anh MT soạn bản hợp đồng xong gửi lại cho S thì S nói nội dung của hợp đồng cơ bản đã hoàn thiện, cần gặp trực tiếp chủ tịch tập đoàn tên là L1, xin ký hợp đồng và bảo anh MT gọi cho L1 theo số điện thoại 09890574xx. S thông báo cho L biết nội dung trên để khi doanh nghiệp gọi đến thì biết trả lời. Khi anh MT gọi điện đến số máy trên thì L tự giới thiệu là L1 chủ tịch tập đoàn, L nói với anh MT mọi việc của dự án đã giao toàn quyền cho B, có gì cứ liên hệ với B. Sau khi biết anh MT đã gọi điện cho L thì S bảo anh MT cần bay vào TP. Hồ Chí Minh gặp L1 thống nhất

và ký hợp đồng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty của anh MT chỉ phải trả tiền mua vé máy bay, công ty S sẽ đặt vé máy bay hộ thì anh MT đồng ý và gửi thông tin để S đặt vé máy bay, S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ chỗ của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong thì L chuyển hình ảnh code giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh nội dung mã đặt vé chuyến bay khứ hồi Hải Phòng - TP. Hồ Chí Minh, ngày bay 17/6/2022, tổng tiền vé là 5.100.000 đồng và yêu anh MT chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số tài khoản 251807xx của Đinh Thị L. Anh MT tin tưởng thật nên ngày 15/6/2022 anh MT sử dụng số tài khoản 195269896666xx, ngân hàng Techcombank chuyển số tiền 5.100.000 đồng vào tài khoản trên. Ngày 17/6/2022, S điện cho anh MT nói L1 có việc bận chưa gặp được anh MT theo lịch hẹn và đã hủy vé máy bay. Trường yêu cầu S hoàn trả lại tiền vé máy bay thì S bảo L chuyển trả cho anh MT 3.900.000 đồng, còn lại 1.200.000 đồng không chuyển trả lại cho anh MT.

Vụ thứ chín: Khoảng đầu tháng 7 năm 2022, anh Vũ Văn K, sinh năm: 1983, trú tại: Khu S Trung, P. Nam S, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là giám đốc Công ty TNHH TNHH N; địa chỉ: P. Nam S, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh ngồi uống nước ở quán café ở Bắc Ninh thì thấy bàn bên cạnh có 2 người đàn ông (chưa xác định được là ai) nói chuyện về dự án xây dựng trong Sài Gòn do muốn có thêm công trình xây dựng nên anh K hỏi và xin số điện thoại để liên hệ thì anh K được cho số 09780974xx. Anh K liên hệ qua số điện thoại trên thì S nghe máy và tự nhận là chủ đầu tư xây dựng và bên chủ đầu tư sắp tổ chức cuộc gặp gỡ nhiều nhà thầu xây dựng để liên kết kinh doanh cùng có lợi. Nếu công ty của anh K vào dự thì công ty của S sẽ hỗ trợ tiền ăn nghỉ và giúp đặt vé máy bay. Anh K tin tưởng là thật nên đã chuyển thông tin để S đặt giúp vé máy bay. Sau đó, S chuyển các thông tin này để Đinh Thị L đặt giữ chỗ vé máy bay, khi L đặt xong chuyển lại cho S thì S gửi cho anh K, thông báo hết 5.862.000 đồng tiền vé máy bay và yêu cầu anh K chuyển tiền vào tài khoản 048019254xx ngân hàng TP Bank của L. Ngày 02/7/2022 anh K đã dùng tài khoản số: 190341054210xx, ngân hàng Techcombank chuyển vào số tài khoản trên số tiền 5.862.000 đồng với nội dung: "Naro tt tien ve may bay HN-TPHCM a Kien, a nghiep". Sau đó, S cắt đứt liên lạc với anh K.

Vụ thứ mười: Khoảng giữa tháng 4 năm 2022, S gọi điện cho anh Nguyễn TT, sinh năm: 1983 là giám đốc công ty TNHH thiết kế và xây dựng Thương Thiên P, địa chỉ: số 15 Nhơn Hòa, P. Hòa A, Q. Cẩm L, TP. Đà Nẵng tự giới thiệu tên là Ph, nhân viên Công ty cổ phần L và thiết bị xây dựng, địa chỉ: Số 15, ngõ 115 Nguyễn K, TP. Hà Nội có dự án xây dựng tại Hội An và B Định cần công ty của anh TT báo giá. Sau đó, S kết bạn zalo bằng số điện thoại 0967959754 với anh TT và gửi bản vẽ, bảng khối lượng để anh TT làm báo giá. Khi anh TT chuyển bản soạn thảo hợp đồng cho S nói công ty của anh TT trúng thầu và yêu cầu ra Hà Nội gặp trực tiếp giám đốc công ty tên là B để ký hợp đồng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty anh TT chỉ phải trả tiền mua vé máy bay, công ty S sẽ đặt vé máy bay hộ thì anh TT đồng ý và gửi thông tin để S đặt vé máy bay. S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ

chỗ của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong thì L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh nội dung mã đặt vé máy bay với tổng tiền vé là 9.500.000 đồng cho anh TT và yêu cầu chuyển tiền vào số tài khoản 048011925401 ngân hàng TP Bank của Đinh Thị L. Anh TT tin tưởng thật nên ngày 20/4/2022 đã dùng số tài khoản: 19831124567, ngân hàng TP Bank chuyển số tiền 9.500.000 đồng vào số tài khoản này với nội dung: "NGUYEN TT chuyen tien". Sau khi nhận được tiền, L đã chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng ACB số 194507xx của S. Đến ngày 21/4/2022, S điện cho anh TT nói có công ty của người tên là S đang làm trong B Định tham gia đấu thầu dự án cùng nhưng báo giá rẻ hơn công ty của anh TT là 100.000.000 đồng và người này đã mua vé máy bay ra Hà Nội gặp giám đốc B nếu Công ty của anh TT muốn ký hợp đồng thì phải chuyển trả tiền vé máy bay cho công ty của ông S là 21.300.000 đồng thì anh TT đồng ý và đã dùng tài khoản 19831124567, ngân hàng TP Bank chuyển vào tài khoản 194507xx của Phạm Xuân S số tiền 21.300.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, S chặn liên lạc với anh TT.

Vụ thứ mười một: Khoảng đầu tháng 7 năm 2022 S gọi điện thoại cho anh Vũ Thế Ng, sinh năm: 1984, trú tại: thôn An H, xã An Th, huyện Hoài Đ, Hà Nội tự giới thiệu tên là Hải, trợ lý giám đốc công ty cổ phần L trụ sở ở Hà Nội, đang có công trình xây dựng nhà xưởng cho công ty tại Hải Dương và mời thầu anh Ng. Sau đó, S kết bạn với anh Ng và gửi bản vẽ, bảng khối lượng để anh Ng làm báo giá. Khi anh Ng soạn thảo hợp đồng xong chuyển cho S thì S nói công ty của anh Ng đã trúng thầu và yêu cầu vào gặp trực tiếp giám đốc công ty tên là L1 để ký hợp đồng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty anh Ng chỉ phải trả tiền mua vé máy bay, công ty S sẽ đặt vé máy bay hộ thì anh Ng đồng ý và gửi thông tin của Nghĩa để S đặt vé máy bay. Khi có thông tin S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ chỗ của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong thì L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ ngồi máy báy cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh cho anh Ng và yêu cầu anh Ng chuyển số tiền 2.400.000 đồng vào tài khoản ngân hàng TP Bank số tài khoản 0480119254xx của Đinh Thị L. Anh Ng tin tưởng thật nên ngày 04/7/2022 đã dùng số tài khoản: 8686868686884, ngân hàng Quân Đội chuyển vào số tài khoản trên số tiền 2.400.000 đồng. Sau đó, S chặn liên lạc với anh Ng. Hiện số tiền 2.400.000 đồng vẫn đang ở trong tài khoản ngân hàng của L.

Vụ thứ mười hai: Khoảng cuối tháng 5 đầu tháng 6/2022 anh Võ Lê PC, sinh năm: 1978, trú tại: 76 Nguyễn C, Hòa Khánh B, LC, TP. Đà Nẵng là giám đốc Công ty TNHH cơ khí và thiết bị VK; địa chỉ: 6B KCN H, TP. Đà Nẵng giới thiệu cho số điện thoại của V là 09738182xx. Anh PC gọi điện theo số điện thoại trên thì S nghe máy, nhận tên là V và giữa hai người trao đổi thi công nhà xưởng tại KCN Phú B, Thừa Thiên Huế. Sau đó, S kết bạn Zalo bằng số điện thoại 09738182xx tên Zalo là " Nguyen Van V" với anh PC và gửi bản vẽ, bảng khối lượng để anh PC làm báo giá. Khi anh PC chuyển bản soạn thảo hợp đồng cho S thì S nói công ty của anh PC trúng thầu và yêu cầu ra Hà Nội gặp trực tiếp

giám đốc công ty để ký hợp đồng gấp do giám đốc chuẩn bị đi Trung Quốc, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty anh PC chỉ phải trả tiền mua vé máy bay, công ty S sẽ đặt vé máy bay hộ thì anh PC đồng ý và gửi thông tin cho S. Khi có thông tin thì S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ chỗ của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong thì L chuyển các hình ảnh code giữ chỗ ngồi máy bay cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh cho anh PC, tổng tiền vé là 12.240.000 đồng và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số tài khoản 251807xx của Đinh Thị L. Anh PC tin tưởng thật nên ngày 15/6/2022 đã dùng số tài khoản: 20132062049xx, ngân hàng Agribank chuyển số tiền 12.240.000 đồng vào số tài khoản này với nội dung: "VO LE PC chuyen khoan".

Vụ thứ mười ba: Khoảng cuối tháng 6/2022 S dùng số điện thoại 09780974xx gọi điện cho anh Nguyễn VT, sinh năm: 1979, trú tại: Khu tập thể F361 DT, Đông A, TP. Hà Nội để mời thầu công trình xây dựng. Sau đó, S dùng tên Zalo là "Nguyen Van H" kết bạn với anh VT và gửi bản vẽ, bảng khối lượng để anh VT làm báo giá. Khi anh VT chuyển bản soạn thảo hợp đồng cho S nói công ty của anh VT trúng thầu và yêu cầu vào TP. Hồ Chí Minh gặp trực tiếp giám đốc công ty để ký hợp đồng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty anh VT chỉ phải trả tiền mua vé máy bay, công ty S sẽ đặt vé máy bay hộ, anh VT đồng ý và gửi thông tin của VT và một nhân viên để S đặt vé máy bay, thì S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ chỗ của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong thì L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh nội dung mã đặt vé máy bay, tổng tiền vé là 11.600.000 đồng cho anh VT và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ACB số tài khoản 251807xx của Đinh Thị L. Anh VT tin tưởng thật nên ngày 01/7/2022 đã nhờ vợ là Nguyễn TH chuyển số tiền 11.600.000 đồng từ số tài khoản: 1080028554606, ngân hàng Viettinbank vào số tài khoản này với nội dung: "mr VT chuyen tien ve may bay".

Vụ thứ mười bốn: Khoảng đầu tháng 4 năm 2022 S dùng số điện thoại 0967959754 gọi điện cho anh Lê Trọng Đ, sinh năm: 1978 là giám đốc Công ty cổ phần tự động hóa Tấn Đ; địa chỉ: Đường số 6 KCN Hòa K, Quận LC, TP. Đà Nẵng, tự giới thiệu tên là Ph, trợ lý giám đốc công ty cổ phần L trụ sở ở Hà Nội, đang có công trình xây dựng nhà xưởng tại KCN Hòa Cầm, Quận Cẩm L, TP. Đà Nẵng. Sau đó, S kết bạn với anh Đ và gửi bản vẽ, bảng khối lượng để anh Đ làm báo giá. Khi anh Đ chuyển bản soạn thảo hợp đồng cho S thì S nói công ty của anh Đ trúng thầu và yêu cầu ra Hà Nội gặp trực tiếp giám đốc công ty tên B để ký hợp đồng, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty anh Đ chỉ phải trả tiền mua vé máy bay, công ty S sẽ đặt vé máy bay hộ, anh Đ đồng ý và gửi thông tin của mình để S đặt vé máy bay, thì S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ chỗ của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong thì L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh nội dung mã đặt vé máy bay và yêu cầu anh Đ thanh toán 6.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng TP Bank số tài khoản 048011925401 của Đinh Thị L. Anh Đ tin tưởng thật nên ngày 20/4/2022 đã nhờ vợ là Trần Nguyên N

dùng số tài khoản: 0400321624xx, ngân hàng Sacombank chuyển vào số tài khoản trên số tiền 6.200.000 đồng. Sau đó, anh Đ nghi ngờ xác minh thì không có dự án như S nói nên yêu cầu hoàn tiền vé máy bay. Ngày 04/5/2022 S yêu cầu L chuyển trả cho anh Đ số tiền 2.500.000 đồng. Sau đó, S chặn mọi liên lạc với anh Đ và chiếm đoạt số tiền 3.700.000 đồng.

Vụ thứ mười lăm: Khoảng đầu tháng 6 năm 2022, S dùng số điện thoại 09738182xx gọi điện cho anh H Anh Th, sinh năm: 1986 là kế toán Công ty TNHH đầu tư tổng hợp CTG; địa chỉ: P. Ba H, TP. Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên, tự giới thiệu tên là V, trợ lý giám đốc công ty cổ phần L trụ sở ở Hà Nội, đang có công trình xây dựng nhà xưởng cho một công ty Trung Quốc tại tại KCN Sông C, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, S kết bạn với Anh Th và gửi bản vẽ, bảng khối lượng để Anh Th làm báo giá. Khi Anh Th chuyển bản soạn thảo hợp đồng cho S nói đã báo cáo giám đốc tên L1, hiện L1 đang công tác trong TP. Hồ Chí Minh và bảo Anh Th gọi điện cho L1 để xin gặp ký hợp đồng và gửi số điện thoại 09890574xx. Anh Th gọi điện thì L nghe máy tự nhận tên L1 và nói đã được xem hợp đồng giữa 2 công ty và đồng ý với hợp đồng trên, mọi việc tiếp theo cứ trao đổi với V. S nói tiếp với Anh Th, mọi chi phí ăn, ngủ, nghỉ sẽ do công ty của S lo, công ty Anh Th chỉ phải trả tiền mua vé máy bay, công ty S sẽ đặt vé máy bay hộ, có kế toán là Nguyễn Thị Thu đi cùng thì Anh Th đồng ý và gửi thông tin để S đặt vé máy bay, S chuyển các thông tin này cho L để đặt giữ chỗ của hãng hàng không Vietnam airlines. Sau khi đặt giữ chỗ máy bay xong thì L chuyển các hình ảnh vé giữ chỗ cho S, S chuyển tiếp gửi hình ảnh nội dung mã đặt vé máy bay và yêu cầu Anh Th thanh toán 10.700.000 đồng vào tài khoản ngân hàng 251807xx của Đinh Thị L. Anh Th tin tưởng thật nên ngày 06/6/2022 đã dùng số tài khoản 0963788678, ngân hàng Quân đội mang tên Anh Th chuyển vào số tài khoản trên số tiền 10.700.000 đồng. Sau đó, S chặn mọi liên lạc với Anh Th.

Vụ thứ mười sáu: Khoảng giữa tháng 5/2022, qua giới thiệu anh Đỗ Văn Tuyên sinh năm 1980 ở Lập Ph, Khai Th, Phú X, Hà Nội (nhân viên của công ty cổ phần nhà thép T) anh NT có số điện thoại của S. Anh NT sử dụng điện thoại gọi vào số điện thoại 0989.272.5xx của S. S giới thiệu tên là L là trợ lý giám đốc, S nói công ty của S có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh. Anh NT và S trao đổi với nhau về việc gia công, lắp đặt nhà xưởng của công ty và hẹn ký hợp đồng. S lấy L do giám đốc của công ty không thể từ TP. Hồ Chí Minh ra ngoài Bắc Ninh ký hợp đồng được nên có yêu cầu giám đốc công ty của anh NT cùng cán bộ kỹ thuật vào thành phố Hồ Chí Minh để ký hợp đồng. Anh NT đã thông báo lại cho anh Lê Mạnh H sinh năm 1976 là giám đốc công ty CP nhà thép T. Anh H đồng ý. S yêu cầu anh NT chuyển tiền vào số tài khoản 251807xx ngân hàng ACB mang tên Đinh Thị L số tiền 9.500.000đ để S đặt vé máy bay. Ngày 23/5/2022, anh H đã chuyển số tiền 9.500.000đ vào tài khoản của L. Sau khi chuyển tiền để đặt vé thì S gọi điện và nhắn tin qua zalo với anh NT và thông báo giám đốc công ty anh NT không phải vào TP. Hồ Chí Minh để ký hợp đồng nữa vì khoảng 02 ngày nữa giám đốc công ty của S sẽ ra Hà Nôi. Anh NT yêu cầu S cung cấp cos vé máy bay thì S không cung cấp được. Anh NT yêu cầu S

hoàn trả lại tiền và bảo S là đã chụp lại toàn bộ nội dung tin nhắn, nếu S không trả lại tiền thì sẽ báo công an. Ngày 27/5/2022, L đã chuyển hoàn số tiền 3.100.000đ đến tài khoản của anh Lê Mạnh H; ngày 15/6/2022, L chuyển hoàn số tiền 2.000.000đ đến tài khoản anh H. Sau ngày 15/6/2022 anh NT có gọi điện cho S thì thuê bao không liên lạc được.

Sau khi các bị hại chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của L thì L đã chuyển khoản số tiền đến tài khoản ngân hàng ACB số 194507xx của S, S đã rút ra và chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra, bị can Phạm Xuân S, Đinh Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với vật chứng thu giữ, sao kê tài khoản, biên bản giải trình nội dung tài khoản; lời khai của các bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 04/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Phạm Xuân S và Đinh Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo S, L thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo S xác định các lần lừa đảo chiếm đoạt tiền của 17 bị hại nêu trên thì các bị hại đều chuyển khoản vào tài khoản ngân hang của L, sau đó L chuyển tiền cho S thông qua tài khoản số 194507xx tại ngân hàng ACB của S, L chỉ giữ lại rất ít số tiền chiếm đoạt của các bị hại để chi tiêu cá nhân. Số tiền L chuyển cho S, S đã dùng tiêu xài cá nhân hết. Đến nay S đề nghị việc bồi thường thiệt hại cho các bị hại một mình S chịu trách nhiệm, riêng đối với hai bị hại là anh Nguyễn Tuấn M và anh Lê ĐH thì S đề nghị S và L phải liên đới bồi thường vì hai anh yêu cầu cả S, L bồi thường về dân sự. Tại lời khai ban đầu ở Cơ quan cảnh sát điều tra S khai có Nguyễn TT ở Ân T, Hưng Y tham gia lừa đảo là do S khai không đúng, thực tế TT không tham gia mà chỉ có 01 đến 02 lần S bảo TT giục hộ tiền mua vé máy bay là liên quan đến công việc của S chứ không bàn bạc với TT lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bất kỳ ai; TT cũng không được S chia cho tiền chiếm đoạt của các bị hại.

Bị cáo L nhất trí với ý kiến của bị cáo S về việc liên đới bồi thường cho bị hại anh M, anh ĐH. Đối với số tiền 2.400.000đ bị cáo tác động gia đình bồi thường cho anh Ng đến nay bị cáo không đề nghị bị cáo S phải trả cho bị cáo một nửa số tiền trên. Bị cáo xác định số tiền còn dư trong tài khoản số 251807xx tại ngân hàng ACB đến thời điểm xét xử là 12.704đ không phải là tiền do bị cáo phạm tội mà có, bị cáo đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền hiện còn trong tài khoản ngân hàng ACB của bị cáo và đề nghị ngân hàng đóng tài khoản tài khoản ngân hàng nêu trên của bị cáo.

Các bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị hại anh MT vắng mặt không có L do. Về trách nhiệm hình sự: Các bị hại đều đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Anh M và anh ĐH yêu cầu hai bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt (trong đó: Anh M số tiền 9.500.000đ; anh ĐH 13.000.000đ). Còn lại các bị hại khác yêu cầu bị cáo S bồi thường cụ thể: Anh

Phạm Quang T 9.160.000đ; anh Lê Mạnh H 4.400.000đ; Công ty PQ 8.500.000đ; anh H Anh Th 10.700.000đ; anh Võ Lê PC 12.240.000đ; anh Nguyễn VT 11.600.000đ; anh Vũ Thế Ng 2.400.000đ; anh Nguyễn TT 30.800.000đ; anh Triệu Đình D 17.640.000đ; anh Đỗ VS 8.800.000đ; anh Lưu ĐL 10.900.000đ; anh Nguyễn Văn Kh 10.400.000đ; anh Lê Trọng Đ 3.700.000 đồng. Bị hại anh Lê MT tại giai đoạn điều tra không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự, anh Vũ Văn K, anh Vũ Thế Ng không yêu cầu bồi thường. Đối với Anh Lê Trọng Đ đại diện công ty Cổ phần tự động hóa Tấn Đ và Anh Nguyễn TT là giám đốc Công ty TNHH thiết kế và xây dựng Thương Thiên P xác định tại cơ quan điều tra anh TT, anh Đ yêu cầu các bị cáo phải trả số tiền chiếm đoạt cho Công ty cổ phần tự động hóa Tấn Đ và Công ty TNHH thiết kế và xây dựng Thương Thiên P, tuy nhiên đến nay các anh xác định số tiền chuyển cho các bị cáo là tiền của cá nhân các anh, anh Đ nhờ vợ là chị Trần Nguyên N chuyển tiền giúp, anh TT dùng tiền và tài khoản cá nhân chuyển cho các bị cáo chứ không phải tiền của công ty, do vậy các anh yêu cầu bị cáo S phải bồi thường cho cá nhân các anh số tiền nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Xuân S và Đinh Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 38, Điều 55, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Xuân S.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Thị L

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân S từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 05/2021/HSST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù, được trừ 06 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 năm 05 tháng 24 ngày đến 08 năm 11 tháng 24 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/7/2022.

Bị cáo Đinh Thị L từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/7/2022.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Xuân S và Đinh Thị L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại gồm anh Lê ĐH số tiền 13.000.000đ (Trong đó bị cáo L phải bồi thường số tiền 6.500.000đ; Bị cáo S phải bồi thường số tiền 6.500.000đ), anh Nguyễn Tuấn M số tiền 9.500.000đ (trong đó bị cáo L phải bồi thường số tiền: 4.750.000đ; Bị cáo S phải bồi thường số tiền: 4.750.000đ).

Buộc bị cáo Phạm Xuân S phải bồi thường cho các bị hại gồm: anh Phạm Quang T số tiền 9.160.000đ; anh Lê Mạnh H số tiền 4.400.000đ; Công ty PQ số tiền 8.500.000đ; anh H Anh Th số tiền 10.700.000đ; anh Võ Lê PC số tiền 12.240.000đ; anh Nguyễn VT số tiền 11.600.000đ; Anh Nguyễn TT số tiền 30.800.000đ; anh Triệu Đình D số tiền 17.640.000đ; anh Đỗ VS số tiền 8.800.000đ; anh Lưu ĐL số tiền 10.900.000đ; anh Nguyễn Văn Kh số tiền 10.400.000đ; anh Lê Trọng Đ số tiền 3.700.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Đinh Thị L phải bồi thường cho các bị hại là 11.250.000đ.Tổng số tiền bị cáo S phải bồi thường cho bị hại là: 150.090.000đ

- **Về biện pháp cưỡng chế**: Áp dụng điều 129, 130 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục duy trì lệnh Ph tỏa tài khoản số 09/LPT - CQĐT ngày 28/02/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương đối với tài khoản số 048019254xx tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Ph mang tên Đinh Thị L, số tiền có trong tài khoản 2.289.196đ đồng để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh Ph tỏa tài khoản số 08/LPT – CQĐT ngày 27/02/2023 của cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương đối với số tiền 18.459.445 đồng trong tài khoản số 194507xx tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Phạm Xuân S để đảm bảo thi hành án.

Hủy bỏ Ph tỏa tài khoản của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) đối với tài khoản số 251807xx của bị cáo Đinh Thị L. Yêu cầu Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) thực hiện việc đóng tài khoản nêu trên. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền còn lại trong tài khoản tại thời điểm xét xử ngày 15/3/2023 là 12.704đ và toàn bộ số tiền biến động tăng giảm có trong tài khoản nêu trên theo quy định của ngân hàng tại thời điểm thi hành án.

- **Về vật chứng**: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 thẻ ATM ngân hàng ACB số tài khoản 194507xx; 01 thẻ ATM ngân hàng ACB số tài khoản 251807xx mang tên DINH THI L; 01 thẻ ATM ngân hàng TPBank số thẻ 97042313042144xx mang tên DINH THI L; Các sim điện thoại số 09780974xx, 09892725xx, 09191984xx, 09818626xx, 09690752xx, 01 bộ thẻ sim (đủ áo sim và thẻ sim) có số điện thoại 09670511xx; 01 áo sim Viettel số seri: 89840480009023601xx; 01 sim Viettel trên sim có số seri 8984048000380179279, sim có số điện thoại 09890574xx; 01 sim Viettel trên sim có số seri 89840480009023601xx, sim có số điện thoại 09897921xx; 01 sim Viettel trên sim có số seri 89840480003325236xx, sim có số điện thoại 09746603xx.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại Samsung số Imei: 3510945688591xx và 3556377488591xx đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại Iphone 6s plus màu trắng, số Imei: 3520520740507xx đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại Iphone 8 màu đỏ, số Imei 3529950944324xx đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, số Imei: 358373066012xx, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

Trả lại bị cáo Phạm Xuân S 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số thẻ 9704050676863xx7.

- **Về án phí**: Các bị cáo Phạm Xuân S và Đinh Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với chứng thu giữ, lời khai của bị hại, những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2022 đến ngày 05/7/2022, Phạm Xuân S và Đinh Thị L dùng thủ đoạn gian dối tự nhận là trợ lý giám đốc, giám đốc công ty cần hợp tác kinh doanh với các công ty, doanh nghiệp về xây dựng, sau khi trao đổi hợp tác kinh doanh thì yêu cầu các giám đốc, chủ doanh nghiệp chuyển tiền để đặt mua vé máy bay gặp mặt ký kết hợp đồng, do tin tưởng nên các bị hại đã chuyển tiền mua vé máy bay đến tài khoản ngân hàng của Đinh Thị L, L và S đã chiếm đoạt số tiền đặt mua vé máy bay của 17 bị hại với với tổng số tiền 182.302.000 đồng (trong đó L cùng S chiếm đoạt 161.002.000 đồng). Cụ thể: Chiếm đoạt của anh Phạm Quang T số tiền 9.160.000 đồng, anh Nguyễn Tuấn M số tiền 9.500.000 đồng; Anh Lưu ĐL số tiền 10.900.000đ; anh Triệu Đình D số tiền 17.640.000 đồng; anh Đỗ VS số tiền 8.800.000 đồng; anh Nguyễn Văn Kh số tiền 10.400.000 đồng; Anh Lê ĐH số tiền 13.000.000đ; Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp 250 Phù Quỳ số tiền 8.500.000đ; Anh Nguyễn TT số tiền 30.800.000 đồng (trong đó L cùng S chiếm đoạt số tiền 9.500.000 đồng); anh Lê MT số tiền 5.100.000 đồng; anh Vũ Văn K số tiền 5.862.000 đồng; anh Vũ Thế Ng số tiền 2.400.000 đồng; anh Võ Lê PC số tiền 12.240.000 đồng; anh

Nguyễn VT số tiền 11.600.000 đồng; anh Lê Trọng Đ số tiền 6.200.000 đồng; anh H Anh Th số tiền 10.700.000 đồng; anh Lê Mạnh H số tiền 9.500.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây tâm L bất B và lo lắng trong nhân dân. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 182.302.000đ trong đó bị cáo L cùng S chiếm đoạt 161.002.000 đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Trong một thời gian ngắn cả hai bị cáo S và L thực hiện 17 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cả hai bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Xuân S có 01 tiền án tại Bản án số 05/2021/HSST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Đánh bạc đến nay chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cả hai bị cáo L, S đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã trả lại cho anh Lê MT số tiền 3.900.000đ; anh Lê Trọng Đ số tiền 2.500.000đ, anh Lê Mạnh H số tiền 5.100.000đ; Ngoài ra bị cáo L còn tự nguyện tác động gia đình bồi thường cho anh Vũ Thế Ng số tiền 2.400.000đ. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Xuân S có bố mẹ đẻ là bà Vũ Thị S1 và ông Phạm Văn G (tên gọi khác: Phạm Quang T) được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Xem xét, đánh giá tính chất vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Phạm Xuân S là người đề xuất việc phạm tội và là người thực hành tích cực, bị cáo trực tiếp liên hệ với các bị hại đưa ra những thông tin gian dối để bị hại tin tưởng chuyển tiền đặt vé máy bay, số tiền chiếm đoạt hầu hết do bị cáo chiếm giữ và chi tiêu cá nhân; Ngoài các khoản tiền bị cáo S bàn bạc với L lừa đảo thì S còn trực tiếp lừa đảo anh TT với số tiền 21.300.000đ, do vậy S giữ vai trò thứ nhất và phải có mức án cao hơn bị cáo L. Bị cáo Đinh Thị L là người thực hành tích cực. Xét về nhân thân bị cáo S có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Trong một thời gian ngắn các bị cáo liên tiếp thực hiện nhiều hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại ở các tỉnh khác nhau, điều này thể hiện ý thức coi

thường pháp luật của các bị cáo.Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

Ngày 26/01/2021, bị cáo Phạm Xuân S bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội "Đánh bạc". Trong thời gian thử thách, bị cáo lại thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, hình phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HSST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định được chuyển thành hình phạt 36 tháng tù giam, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 30/6/2020 đến ngày 05/7/2020), khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo S và L đều làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự :

Các bị hại yêu cầu hai bị cáo bồi thường tổng số tiền: 161.340.000 đồng. Đối với bị cáo S thực hiện một mình hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh TT số tiền 21.300.000đ nên S phải có trách nhiệm bồi thường cho anh TT số tiền trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa cả hai bị cáo đều xác định toàn bộ số tiền chiếm đoạt của các bị hại L đã chuyển hết cho S, chỉ giữ lại phần rất nhỏ để chi tiêu cá nhân. Bị cáo S nhận trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền đã lừa đảo của các bị hại trừ số tiền lừa đảo của anh Lê ĐH và anh Nguyễn Tuấn M. Bị cáo L nhất trí với quan điểm của bị cáo S về phần bồi thường dân sự. Đối với số tiền 2.400.000đ bị cáo L tác động gia đình bồi thường cho anh Vũ Thế Ng, đến nay L không yêu cầu S phải trả cho L một nửa số tiền trên.

Xét thấy: Tại đơn xin xét xử vắng mặt của các bị hại chỉ có 02 (hai) bị hại là anh Lê ĐH và Nguyễn Tuấn M đề nghị cả hai bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, các bị hại khác đều đề nghị bị cáo S phải có trách nhiệm bồi thường dân sự. Do thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ lỗi cũng như yêu cầu của các bị hại và sự thỏa thuận của bị cáo S, L, cần buộc bị cáo Đinh Thị L và Phạm Xuân S phải liên đới bồi thường cho anh Lê ĐH số tiền 13.000.000đ (Trong đó bị cáo L phải bồi thường cho anh ĐH: 6.500.000đ; Bị cáo S 6.500.000đ), anh Nguyễn Tuấn M số tiền 9.500.000đ (trong đó bị cáo L phải bồi thường: 4.750.000đ; Bị cáo S: 4.750.000đ). Buộc bị cáo Phạm Văn S phải bồi thường cho các bị hại gồm: anh Phạm Quang T số tiền 9.160.000đ; anh Lê Mạnh H số tiền 4.400.000đ; Công ty PQ số tiền 8.500.000đ; anh H Anh Th số tiền 10.700.000đ; anh Võ Lê PC số tiền 12.240.000đ; anh Nguyễn VT số tiền 11.600.000đ; Anh Nguyễn TT số tiền 30.800.000đ; anh Triệu Đình D số tiền 17.640.000đ; anh Đỗ VS số tiền 8.800.000đ; anh Lưu ĐL số tiền 10.900.000đ; anh Nguyễn Văn Kh số tiền 10.400.000đ; anh Lê Trọng Đ số tiền 3.700.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Đinh Thị L phải bồi thường cho các bị hại là 11.250.000đ.

Tổng số tiền bị cáo S phải bồi thường cho bị hại là: 150.090.000đ

Đối với số tiền các bị cáo chiếm đoạt của anh Lê MT là 5.100.000đ, đã trả 3.900.000đ, còn lại 1.200.000đ và số tiền chiếm đoạt của anh Vũ Văn K là 5.862.000đ đến nay anh MT và anh K không yêu cầu bồi thường về dân sự; đối với số tiền các bị cáo chiếm đoạt của anh Ng 2.400.000đ đến nay bị cáo L đã tác động gia đình bồi thường cho anh Ng số tiền nêu trên, anh Ng không yêu cầu bồi thường gì khác do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[8]. Về biện pháp cưỡng chế:

Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp cưỡng chế Ph tỏa tài khoản theo Lệnh Ph tỏa tài khoản số 09/LPT - CQĐT ngày 28/02/2023 đối với tài khoản 048019254xx tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Ph của Đinh Thị L, số tiền trong tài khoản bị Ph tỏa là 2.289.196đ đồng. Xác định về trách nhiệm dân sự bị cáo L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại với tổng số tiền là 11.250.000đ, do vậy cần tiếp tục duy trì Lệnh Ph tỏa tài khoản nêu trên của công an thành phố Hải Dương, giữ lại toàn bộ số tiền 2.289.196 đồng trong tài khoản số 048019254xx tại Ngân hàng TMCP Tiên Ph của Đinh Thị L để đảm bảo thi hành án.

Đối với tài khoản số 194507xx của Phạm Xuân S tại Ngân hàng TMCP Á Châu, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra lệnh Ph tỏa số 08/LPT – CQĐT ngày 27/02/2023, số tiền trong tài khoản bị Ph tỏa là 18.459.445đ. Xác định về trách nhiệm dân sự bị cáo S phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại với tổng số tiền là 150.090.000đ do vậy cần tiếp tục duy trì Lệnh Ph tỏa tài khoản nêu trên của công an thành phố Hải Dương, giữ lại toàn bộ số tiền 18.459.445 đồng trong tài khoản số 194507xx tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Phạm Xuân S để đảm bảo thi hành án.

Đối với tài khoản ngân hàng số 251807xx của Đinh Thị L mở tại ngân hàng ACB. Đến ngày 15/3/2023, số tiền còn trong tài khoản là 12.704đ. Bị cáo L xác định số tiền còn trong tài khoản không phải tiền do phạm tội mà có, tuy nhiên tài khoản trên bị cáo dùng vào việc phạm tội nên bị cáo đề nghị Tòa án tịch thu toàn bộ số tiền có trong tài khoản sung quỹ nhà nước và đóng tài khoản. Vì vậy cần yêu cầu ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) thực hiện việc đóng tài khoản trên. Tài khoản trên đang bị Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) Ph tỏa nên Hội đồng xét xử sẽ hủy bỏ lệnh Ph tỏa tài khoản trên theo quy định của pháp luật và tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền còn lại trong tài khoản tại thời điểm xét xử ngày 15/3/2023 là 12.704đ và toàn bộ số tiền biến động tăng giảm có trong tài khoản nêu trên theo quy định của ngân hàng tại thời điểm thi hành án.

[9] Về vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 thẻ ATM ngân hàng ACB số tài khoản 194507xx mang tên Phạm Xuân S; 01 thẻ ngân hàng ACB số tài khoản

251807xx mang tên DINH THI L; 01 thẻ ngân hàng TPBank số thẻ 97042313042144xx mang tên DINH THI L đây là các thẻ ngân hàng bị cáo S và L dùng vào việc rút tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số thẻ 9704050676863xx của Phạm Xuân S không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại Phạm Xuân S.

Đối với 01 điện thoại Samsung lắp sim số 09780974xx, 09892725xx; 01 điện thoại di động Iphone 6s plus lắp sim số 09191984xx thu giữ của Phạm Xuân S. 01 điện thoại Iphone 8 màu đỏ lắp sim số 09690752xx, 01 điện thoại Iphone 6 màu xám lắp sim 09818626xx, 01 sim Viettel trên sim có số seri 8984048000380179279, sim có số điện thoại 09890574xx; 01 sim Viettel trên sim có số seri 89840480003325236xx, sim có số điện thoại 09746603xx thu giữ của Đinh Thị L đây là công cụ các bị cáo dùng để Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cần tịch thu phát mại điện thoại sung vào ngân sách nhà nước và tịch thu tiêu hủy các sim điện thoại.

Đối với 01 bộ thẻ sim (đủ áo sim và thẻ sim) có số điện thoại 09670511xx; 01 áo sim Viettel số seri: 89840480009023601xx; 01 sim Viettel có số seri 898404800090230158 sim có số điện thoại 09897921xx thu giữ của Đinh Thị L, L chưa sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho Đinh Thị L, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đề nghị tịch thu cho tiêu hủy các áo sim và thẻ và sim điện thoại nêu trên nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[10]. Về các vấn đề khác: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu thập dữ liệu trên tài khoản 048019254xx ngân hàng TP Bank và tài khoản 251807xx ngân hàng ACB của Đinh Thị L, ngoài các giao dịch đã được làm rõ thì còn một số giao dịch chuyển tiền đến tài khoản của Đinh Thị L với nội dung chuyển khoản mua vé máy bay, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương đã ủy thác điều tra xác minh về bị hại tại các địa phương nhưng đến nay đều chưa xác minh được nhân thân và mục đích của người đã chuyển tiền vào hai số tài khoản trên. Do vậy chưa đủ căn cứ xác định Phạm Xuân S và Đinh Thị L chiếm đoạt số tiền của một số trường hợp trên. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử L theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Huỳnh Thị Ngọc NT, sinh năm 1982; Trú tại: 78 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận 3, TP Hồ Chí Minh khi giúp Đinh Thị L đặt mã code giữ chỗ ngồi vé máy bay không biết L dùng hình ảnh mã code giữ chỗ ngồi vé máy bay do NT gửi để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không vi phạm.

Đối với Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1975; Trú tại thôn An Đỗ, xã Bắc S, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng Thu vắng mặt tại địa phương nên chưa làm việc được. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ đề xuất xử L theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo Phạm Xuân S và Đinh Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 38, Điều 55, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Xuân S.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Thị L

Điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; Điều 129, 130, 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Xuân S và Đinh Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân S **06 (sáu)** năm tù. Tổng hợp với hình phạt **36 (ba mươi sáu)** tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 05/2021/HSST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **09 (chín)** năm tù, được trừ **06** (sáu) ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành **08 (tám) năm 11(mười một) tháng 24 (hai mươi tư)** ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/7/2022.

Bị cáo Đinh Thị L **04 (bốn) năm 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/7/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Xuân S và Đinh Thị L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại gồm anh Lê ĐH số tiền 13.000.000đ (Trong đó bị cáo L phải bồi thường: 6.500.000đ; bị cáo S phải bồi thường 6.500.000đ); anh Nguyễn Tuấn M số tiền 9.500.000đ (trong đó bị cáo L phải bồi thường: 4.750.000đ; Bị cáo S phải bồi thường: 4.750.000đ).

Buộc bị cáo Phạm Xuân S phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại gồm: anh Phạm Quang T số tiền 9.160.000đ; anh Lê Mạnh H số tiền 4.400.000đ; Công ty PQ số tiền 8.500.000đ; anh H Anh Th số tiền 10.700.000đ; anh Võ Lê PC số tiền 12.240.000đ; anh Nguyễn VT số tiền 11.600.000đ; Anh Nguyễn TT số tiền 30.800.000đ; anh Triệu Đình D số tiền 17.640.000đ; anh Đỗ VS số tiền 8.800.000đ; anh Lưu ĐL số tiền 10.900.000đ; anh Nguyễn Văn Kh số tiền 10.400.000đ; anh Lê Trọng Đ số tiền 3.700.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Đinh Thị L phải bồi thường cho các bị hại là 11.250.000đ. Tổng số tiền bị cáo S phải bồi thường cho bị hại là: 150.090.000đ

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về biện pháp cưỡng chế:

Tiếp tục duy trì lệnh Ph tỏa tài khoản số 09/LPT - CQĐT ngày 28/02/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương đối với số tiền 2.289.196đ trong tài khoản số 048019254xx tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Ph của Đinh Thị L, để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh Ph tỏa tài khoản số 08/LPT – CQĐT ngày 27/02/2023 của Công an thành phố Hải Dương đối với số tiền 18.459.445 đồng trong tài khoản số 194507xx tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Phạm Xuân S, để đảm bảo thi hành án.

Yêu cầu Ngân hàng TMCP Á châu hủy bỏ Ph tỏa tài khoản đối với tài khoản số 251807xx của bị cáo Đinh Thị L mà ngân hàng đã Ph tỏa tài khoản theo công văn yêu cầu số 192/CV- CQĐT ngày 15/3/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và thực hiện việc đóng tài khoản nêu trên. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền còn lại trong tài khoản tại thời điểm xét xử ngày 15/3/2023 là 12.704đ và toàn bộ số tiền biến động tăng giảm có trong tài khoản nêu trên theo quy định của ngân hàng tại thời điểm thi hành án.

5. Về vật chứng:

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 thẻ ATM ngân hàng ACB số tài khoản 194507xx;

01 thẻ ATM ngân hàng ACB số tài khoản 251807xx mang tên DINH THI L.

- 01 thẻ ATM ngân hàng TPBank số thẻ 97042313042144xx mang tên DINH THI L;

- Các sim điện thoại số 09780974xx, 09892725xx, 09191984xx, 09818626xx, 09690752xx, 01 bộ thẻ sim (đủ áo sim và thẻ sim) có số điện thoại 09670511xx; 01 áo sim Viettel số seri: 89840480009023601xx; 01 sim Viettel trên sim có số seri 8984048000380179279, sim có số điện thoại 09890574xx; 01 sim Viettel trên sim có số seri 89840480009023601xx, sim có số điện thoại 09897921xx; 01 sim Viettel trên sim có số seri 89840480003325236xx, sim có số điện thoại 09746603xx.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại Samsung số Imei: 3510945688591xx và 3556377488591xx đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 điện thoại Iphone 6s plus màu trắng, số Imei: 3520520740507xx đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 điện thoại Iphone 8 màu đỏ, số Imei 3529950944324xx đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, số Imei: 358373066012xx, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

Trả lại bị cáo Phạm Xuân S 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số thẻ 9704050676863xx7.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 27/02/2023).

6. **Về án phí**: Các bị cáo Phạm Xuân S và Đinh Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Xuân S phải chịu 7.504.500đ (bảy triệu năm trăm linh bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Đinh Thị L phải chịu 562.500đ (Năm trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. **Về quyền kháng cáo**: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu